

Số: 551/QĐ-UBND

Hương Sơn, ngày 08 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách quyết toán nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các xã, phường;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND xã Hương Sơn: số 05/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 về việc Phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi sắp xếp bộ máy hành chính; số 07/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 về việc Phân bổ vốn đầu tư công năm 2025 sau khi sắp xếp bộ máy hành chính;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (Theo các biểu kèm theo Quyết định này):

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội các phòng, ngành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính Hà Tĩnh;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Ban Kinh tế - Ngân sách;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- UBMTTQ, các ban ngành đoàn thể xã;
- Phòng giao dịch số 03 - KBNN KV XII;
- Thôn trưởng các thôn;
- Lưu: VP, TC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Thái Sơn

Phụ lục: 01
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	394.243	
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	56.646	
1	Thu NSDP hưởng 100%	785	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	55.861	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	325.647	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	242.885	
	- Trợ cấp cân đối của 5 xã 6 tháng đầu năm	41.021	
	- Trợ cấp cân đối của các đơn vị đã kết thúc hoạt động	102.642	
	- Trợ cấp SN giáo dục	99.222	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	82.762	
	- Bổ sung mục tiêu 5 xã 6 tháng đầu năm	73.834	
	- Tỉnh giao bổ sung 6 tháng cuối năm	8.428	
	- KP phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính	500	
III	Thu kết dư	30	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	11.920	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	394.243	
I	Tổng chi cân đối NS xã	394.243	
1	Chi đầu tư phát triển	121.346	
2	Chi thường xuyên	271.995	
3	Dự phòng ngân sách	903	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 02

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ghi chú
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	
A	B	1	2	3
	TỔNG THU NSNN	117.186	56.646	
I	Thu xã hưởng 100%	785	785	
1	Thu phí, lệ phí	363	363	
2	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	237	237	
3	Thu khác ngân sách	185	185	
II	Thu xã hưởng theo tỷ lệ %	116.401	55.861	
1	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	50		
	- Thuế giá trị gia tăng, TNDN	50		
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.800	3.319	
	- Thuế GTGT và TNDN	9.405	3.172	
	<i>Doanh nghiệp HTX</i>	6.823	1.365	
	<i>Hộ kinh doanh cá thể</i>	2.582	1.807	
	- Thuế tài nguyên	370	134	
	<i>Tài nguyên rừng và khoáng sản</i>	170	34	
	<i>Tài nguyên khác</i>	200	100	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	25	13	
	<i>Mật hàng riệu, bia, thuốc lá, ô tô...</i>	-		
	<i>Mật hàng khác</i>	25	13	
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.361		
4	Lệ phí trước bạ	10.375	697	
	- Trước bạ nhà đất	871	697	
	- Trước bạ tài sản khác	9.504		
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40	40	
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	615	185	
7	Thu tiền sử dụng đất	92.160	51.621	
	- Thu đấu giá, cấp quyền sử dụng đất	92.160	41.472	
	- Thu từ đất giao cho các nhà đầu tư		10.149	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 03

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán	Dự toán đã thực hiện 6 tháng đầu năm	Dự toán 6 tháng cuối năm	Ghi chú
I	2	3=4+5	4	5	6
	Cộng (I+II+III)	394.243	254.361	139.883	
I	Chi đầu tư phát triển	121.346	67.813	53.532	
1	Văn phòng HĐND - UBND	3.469	801	2.668	
2	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	19.205	12.931	6.273	
3	Sự nghiệp y tế	2.341	2.318	23	
4	Sự nghiệp môi trường	22.299	13.999	8.300	
5	Sự nghiệp Kinh tế	74.033	37.764	36.269	
II	Chi thường xuyên	271.995	186.547	85.448	
1	Dân quân tự vệ	183		183	
2	Sự nghiệp giáo dục	97.861	44.068	53.793	
	Chi lương, phụ cấp, hoạt động thường xuyên	93.611	45.444	48.167	
	Chi các hoạt động khác	4.250		4.250	
3	Trung tâm chính trị xã	1.361	808	553	
4	Sự nghiệp văn hóa, truyền thanh, thể dục thể thao	210	-	210	
	Hoạt động VH-TTTT	70		70	
	Phát thanh xã	30		30	
	Cụm dân cư theo TT 121	110		110	
5	Sự nghiệp kinh tế	3.234	-	3.234	
	Sự nghiệp thiết chế thị chính	200		200	
	SN giao thông	200		200	
	Chi thưởng KDC đạt KDC NTM kiểu mẫu	300		300	
	Vốn chương trình MTQG xây dựng NTM	1.020		1.020	
	Thủy lợi phí	99		99	
	Kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa nước	269		269	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	913		913	
	Kinh phí tuyên truyền vận động toàn dân chung sức xây dựng NTM mới	50		50	
	Chi trả nợ kiểm kê đất lập bản đồ hiện trạng đất: xã Sơn Ninh và xã Sơn Trung (cũ)	183		183	
6	Sự nghiệp môi trường	200		200	
7	Văn phòng HĐND - UBND	48.823	39.029	9.794	

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán	Dự toán đã thực hiện 6 tháng đầu năm	Dự toán 6 tháng cuối năm	Ghi chú
1	2	3=4+5	4	5	6
	Chi phụ cấp cho đại biểu, phụ cấp các chức danh kiêm nhiệm theo NQ 82 và BHYT đại biểu HĐND;	444		444	
	Chi khoán văn phòng phẩm, tài liệu, báo chí, internet; Khoán tiếp xúc cử tri; Hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe đại biểu HĐND	80		80	
	Chi hoạt động VP - HĐND	130		130	
	Lương, PC, cán bộ xã	3.199		3.199	
	Lương, phụ cấp cán bộ không chuyên trách xã và PC công nghệ thông tin	58		58	
	Phụ cấp Ủy viên BCH đảng bộ cơ quan	8,4		8,4	
	Phụ cấp cán bộ thôn	3.202		3.202	
	Hoạt động Trung tâm giáo dục cộng đồng	14		14	
	Hỗ trợ hoạt động tổ chuyển đổi số cộng đồng	158		158	
	Hoạt động tôn giáo	138		138	
	Hỗ trợ hoạt động ban thanh tra nhân dân	5		5	
	Tích lập quỹ thi đua khen thưởng 1% điểm b, mục 3, điều 50, NĐ 98/2023	11		11	
	Chi hoạt động VP - UBND	493		493	
	Chi thanh toán chế độ cán bộ nghỉ việc theo NĐ 178 và nộp 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo 173/NĐ-CP ngày 13/6/2025	1.354		1.354	
	Mua sắm, bổ sung trang thiết bị trung tâm hành chính công, triển khai hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, sửa chữa khác phục vụ sắp xếp bộ máy hành chính	500		500	
8	Văn phòng Đảng ủy	4.602	-	4.602	
	Lương, PC, cán bộ, công chức	1.799		1.799	
	Phụ cấp Ban chấp hành Đảng bộ; Phụ cấp kiểm tra đảng theo KL 29	124		124	
	Phụ cấp bí thư chi bộ, người phụ trách công tác Đảng ở chi bộ Thôn	1.133		1.133	

Số TT	Tên đơn vị	Tổng dự toán	Dự toán đã thực hiện 6 tháng đầu năm	Dự toán 6 tháng cuối năm	Ghi chú
I	2	3=4+5	4	5	6
	Kinh phí trao tặng huy hiệu Đảng gồm (tính giao 6 tháng cuối năm (gồm cả khung, thiếp 25.000đ/cái)	540		540	
	Kinh phí hoạt động tổ chức cơ sở Đảng	106		106	
	Kinh phí phục vụ Đại hội Đảng bộ	600		600	
	Chi hoạt động khác	300		300	
9	Mặt trấn tổ quốc	2.006	-	2.006	
	Lương, phụ cấp cán bộ công chức	702		702	
	Lương, PC cán bộ không chuyên trách	86		86	
	Phụ cấp trưởng chi hội, đoàn thể	1.081		1.081	
	Hỗ trợ hoạt động ban giám sát cộng đồng	20		20	
	Chi hoạt động	117		117	
10	Đảm bảo xã hội	8.403	-	8.403	
	Lương hưu cán bộ xã (130)	580		580	
	PC Thanh niên xung phong	13		13	
	Bảo trợ xã hội (Tinh giao nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025)	5.798		5.798	
	Bảo hiểm y tế cho các đối tượng 6 tháng cuối năm (tinh giao bổ sung)	1.771		1.771	
	Tiền điện hộ nghèo 6 tháng cuối năm 2025 (tinh giao bổ sung)	137		137	
	Chi khác	104		104	
11	Chi khác ngân sách	2.469		2.469	
12	Kinh phí thực hiện 6 tháng đầu năm của các đơn vị dự toán cấp huyện đã kết thúc hoạt động (đưa vào DT xã để cuối năm Quyết toán)	102.642	102.642		
III	Dự phóng	903		903	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

Phụ lục: 04

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số tiền giao dự toán	Đã sử dụng 6 tháng đầu năm 2025	DT còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Ghi chú
I	Khối mầm non	23.682.278.128	11.414.752.135	12.267.525.993	
1	Trường Mầm non Sơn Ninh	3.582.628.608	1.798.980.891	1.783.647.717	
2	Trường Mầm non Sơn Phú	2.927.176.890	1.427.452.859	1.499.724.031	
3	Trường Mầm non TT Phố Châu	9.046.058.158	4.398.493.996	4.647.564.162	
4	Trường Mầm non Sơn Trung	5.157.407.950	2.414.046.541	2.743.361.409	
5	Trường Mầm non Sơn Bằng	2.969.006.522	1.375.777.848	1.593.228.674	
II	Khối Tiểu học	38.226.405.342	18.798.298.719	19.428.106.623	
1	Trường tiểu học thị trấn Phố Châu	15.165.159.169	7.487.140.879	7.678.018.290	
2	Trường tiểu học Sơn Phú	5.549.104.741	2.832.664.658	2.716.440.083	
3	Trường tiểu học Sơn Trung	7.152.078.156	3.347.579.251	3.804.498.905	
4	Trường tiểu học Sơn Bằng	5.183.884.126	2.586.932.523	2.596.951.603	
5	Trường tiểu học Sơn Ninh	5.176.179.150	2.543.981.408	2.632.197.742	
III	Khối THCS	31.702.489.818	15.230.734.851	16.471.754.967	
1	Trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện	19.119.233.855	9.433.447.857	9.685.785.998	
2	Trường THCS Trung Phú	12.583.255.963	5.797.286.994	6.785.968.969	
IV	Chi khác sự nghiệp giáo dục	4.249.537.712		4.249.537.712	
	Cộng Sự nghiệp giáo dục (I+II+III+IV)	97.860.711.000	45.443.785.705	52.416.925.295	-
V	Trung tâm chính trị xã	1.361.289.000	808.021.039	553.267.961	
	<i>Lương CBCC</i>	<i>581.159.000</i>	<i>309.856.039</i>	<i>271.302.961</i>	
	<i>KP hoạt động</i>	<i>780.130.000</i>	<i>498.165.000</i>	<i>281.965.000</i>	
	Tổng cộng	99.222.000.000	46.251.806.744	52.970.193.256	

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯƠNG SƠN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025 SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hương Sơn)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>l</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	TỔNG SỐ		242.876	121.345,6	120.962,8	383	67.813,4	67.431	383	53.532	15.262	38.270	
I	Công tác quy hoạch, đo đạc, chỉnh lý đất			4.700	4.700					4.700	0	4.700	
-	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất điểm dân cư vùng đất quy hoạch đấu giá; đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên. (Theo chỉ thị số: 1474/CT-TTg, ngày 24/8/2021)			4.700	4.700					4.700		4.700	
I	Dự án hoàn thành trước 31/12/2024 bố trí vốn trong năm 2025		104.176	12.789	12.789	0	11.580	11.580	0	1.210	0	1.210	
1	Phố Châu (cũ)		51.140	6.952	6.952	0	6.952	6.952	0	0	0	0	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng và nhà học 2 tầng 10 phòng trường trung học cơ sở Nguyễn Tuấn Thiện	Số 166/QĐ-UBND ngày 16/6/2024	2.000	1.102	1.102		1.102	1.102		0			
1.2	Nhà đa năng, sân thể thao và các HM PT Trường THCS Nguyễn Tuấn Thiện	Số 4898/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	9.100	787	787		787	787		0			
1.3	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trạm Y tế thị trấn Phố Châu	Số 132/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	1.269	666	666		666	666		0			
1.4	Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất nhà văn hóa tổ dân phố 6, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn (tỷ lệ 1/500)	Số 247a/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	34	34	34		34	34		0			
1.5	Đường giao thông và mương thoát nước Khu dân cư vùng Cây Thị, Tổ dân phố 10, thị trấn Phố Châu	Số 145/QĐ-UBND ngày 31/5/2024	2.000	903	903		903	903		0			

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
a	b	c	1	2=3+4	3	4	5=6+7	7	8	9=10+11	10	11	12
1.6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Tuấn Thiện giai đoạn 2 và đường Nguyễn Trãi, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn	Số 120/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	6.927	2.090	2.090		2.090	2.090		0			
1.7	Cải tạo, khuôn viên trụ sở làm việc công an thị trấn Phố Châu	Số 129/QĐ-UBND ngày 9/5/2024	650	265	265		265	265		0			
1.8	Cải tạo, mở rộng khuôn viên Đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sỹ thị trấn Phố Châu	Số 91/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	3.200	219	219		219	219		0			
1.9	Nhà văn hóa TDP 4, thị trấn Phố Châu	Số 25/QĐ-UBND ngày 27/01/2022	994	33	33		33	33		0			
1.10	Cải tạo, nâng cấp đường Lương Hiến - đoạn qua Khu dân cư Nam Phố Châu và đường Nguyễn Lân - đoạn giao đường Lương Hiến đến đường Nguyễn Khắc Viên	Số 165/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	6.600	25	25		25	25		0			
1.11	Phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn thị trấn Phố Châu năm 2022 (giai đoạn 1)	Số 77/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	766	20	20		20	20		0			
1.12	Phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn thị trấn Phố Châu năm 2022 (giai đoạn 2)	Số 313/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	3.402	127	127		127	127		0			
1.13	Cải tạo, phục hồi mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn thị trấn Phố Châu năm 2023	Số 152/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	2.826	133	133		133	133		0			
1.14	Đường bê tông và rãnh thoát nước thị trấn Phố Châu năm 2023		1.057	200	200		200	200		0			
1.15	Khu thể thao Tổ dân phố 4, thị trấn Phố Châu	Số 109/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	461	53	53		53	53		0			
1.16	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Lân - Đoạn giao đường trục xã Sơn Hàm đến hết Khu dân cư Nam Phố Châu	Số 241/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	7.800	87	87		87	87		0			

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1.17	Cải tạo sửa chữa đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn	Số 3165/QĐ-UBND của ngày 18/6/2019	756	91	91		91	91		0			
1.18	Nhà văn hóa Tổ dân phố 5, thị trấn Phố Châu	Số 298/QĐ-UBND của ngày 27/4/2024	853	79	79		79	79		0			
1.19	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên, nhà và các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa Tổ dân phố 2, thị trấn Phố Châu	Số 402/QĐ-UBND của ngày 04/11/2024	445	37	37		37	37		0			
2	Sơn Bằng (cũ)		4.299	163	163		134	134		29	0	29	
2.1	Đường GTNT đoạn từ nhà ông kỷ ra trạm Bơm thôn Phúc Bằng	128 ngày 03/12/2021	678	23	23		23	23		0			
2.2	Cổng, hàng rào và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Thịnh Bằng xã Sơn Bằng	43/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	796	84	84		84	84		0			
2.3	Sửa chữa nâng cấp 2 dãy nhà chức năng 1 tầng và sân bóng cỏ nhân tạo trường tiểu học Sơn Bằng	64/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.180	27	27		27	27		0			
2.4	Sửa chữa nâng cấp 2 dãy nhà chức năng 1 tầng và sân bóng cỏ nhân tạo trường tiểu học Sơn Bằng 2024	Số 64/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	1.020	11	11			0		11		11	
2.5	Nâng cấp sửa chữa Trạm bơm Hói Nầm xã Sơn Bằng	Số 88/QĐ-UBND ngày	625	18	18			0		18		18	
3	Sơn Trung (cũ)		23.429	3.891	3.891		3.818	3.818		73	0	73	
3.1	Nhà học 2 tầng 8 phòng trường THCS Trung Phú	Số 5730 ngày 28/10/2019	4.808	86	86		86	86		0			
3.2	Nâng cấp sửa chữa kênh mương đập Cao Thắng, xã Sơn Trung	Số 46 ngày 28/10/2018	780	120	120		120	120		0			
3.3	Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ trụ sở Công an xã Sơn Trung	Số 45 ngày 15/5/2025	3.450	230	230		230	230		0			

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
3.4	Sửa chữa nhà 2 tầng UBND xã Sơn Trung	Số 39 ngày 12/3/2024	461	304	304		304	304		0			
3.5	Nhà văn hóa thôn Lâm Thành, xã Sơn Trung	Số 62 ngày 20/5/2024	1.318	482	482		482	482		0			
3.6	Nhà vệ sinh trụ sở UBND xã Sơn Trung	Số 26 ngày 26/01/2024	278	13	13		13	13		0			
3.7	Đường giao thông từ ngõ anh Hoài thôn Hồ Sơn đến cầu E, xã Sơn Trung	Số 70 ngày 20/6/2024	1.523	493	493		493	493		0			
3.8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL 8A đến Trung tâm hành chính xã Sơn Trung	Số 104 ngày 06/8/2024	3.516	509	509		509	509		0			
3.9	Sửa chữa nâng cấp đường Làng Bại thôn Yên Sơn, xã Sơn Trung	Số 191 ngày 24/11/2024	1.447	1.349	1.349		1.349	1.349		0			
3.10	Đường giao thông nội đồng xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn, hạng mục: Tuyến Đồng Đập - Sào Nhà dài 187,54m	Số 158 ngày 01/11/2024	365	118	118		118	118		0			
3.11	Kênh mương nội đồng xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn	Số 160 ngày 04/11/2024	436	74	74		74	74		0			
3.12	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Sơn xã Sơn Trung (đường Nương Mua)	Số 146 ngày 11/10/2024	391	30	30		30	30		0			
3.13	Cống thông nước vào Bàu E thôn Tân Trảng, xã Sơn Trung	Số 198 ngày 04/12/2024	748	9	9		9	9		0			
3.14	Đường giao thông nội đồng thôn Yên Sơn xã Sơn Trung (đường Nương Mua)	Số 146 ngày 11/10/2024	392	42	42			0		42		42	
3.15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL 8A đến Trung tâm hành chính xã Sơn Trung	Số 104 ngày 06/8/2024	3.517	31	31			0		31		31	
4	Sơn Phú (cũ)		13.243	1.037	1.037		352	352		684	0	684	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
4.1	Đường Đỗ bê tông Công Đăng	Số 107 ngày 25/7/2023	1.082	49	49		49	49		0			
4.2	Đường Cửa Nương	Số 86 ngày 06/08/2020	1.106	177	177		177	177		0			
4.3	Nhà Đa năng trường Mầm non	Số 72 ngày 15/5/2022	3.500	184	184			0		184		184	
4.4	Mái che và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non	Số 67 ngày 8/5/2023	388	38	38			0		38		38	
4.5	Rãnh thoát nước đoạn qua thôn Công Đăng	Số 86 ngày 19/6/2023	500	44	44			0		44		44	
4.6	Lắp đặt đường ống cấp nước sinh hoạt cho các hộ gia đình tại xã Sơn Phú	Số 87 ngày 28/6/2024	2.476	85	85			0		85		85	
4.7	KMND từ đường trục xã đến cuối Ruộng Tráng và tuyến Nhà Lái thôn An Phú- xã Sơn Phú	Số 174 ngày 9/10/2024	803	39	39			0		39		39	
4.8	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt tại thôn Cửa Nương, thôn Hồ Trung, xã Sơn Phú	Số 16 ngày 24/01/2025	556	82	82			0		82		82	
4.9	Đường GT khu dân cư vùng Cồn Nậy thôn Công Đăng , xã Sơn Phú	Số 85 ngày 30/5/2025	970	133	133			0		133		133	
4.10	Tu sửa, chỉnh trang một số hạng mục Trường Tiểu học Sơn Phú.	Số 07 ngày 04/02/2025	600	37	37			0		37		37	
4.11	Cải tạo san lấp mặt bằng ruộng vùng Nước Mai, xã Sơn Phú - 9552.4. 8093395	Số 16 ngày 18/01/2024	882	148	148		106	106		42		42	
4.12	Đường GTND thôn An Phú - xã Sơn Phú	Số 174 ngày 9/10/2024	380	19	19		19	19		0			
5	Sơn Ninh (cũ)		12.065	747	747		324	324		423	0	423	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
5.1	Kênh mương nội đồng xã Sơn Ninh	Số 85/QĐ-UBND, ngày 04/12/2023	821	266	266		227	227		39		39	
5.2	Đường giao thông nông thôn thôn Tân Bình, xã Sơn Ninh (Mã DA: 8099752)	Số 48/QĐ-UBND, ngày 23/7/2024	616	97	97		97	97		0			
5.3	Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Sơn Ninh năm 2020	Số 96/QĐ-UBND ngày	912	23	23			0		23		23	
5.4	Đường giao thông nội đồng xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn năm 2019-2020	Số 82/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	2.262	22	22			0		22		22	
5.5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Sơn Ninh, huyện Hương Sơn năm 2021	Số 76/QĐ-UBND, ngày 02/6/2021	1.721	53	53			0		53		53	
5.6	Trụ sở UBND xã Sơn Ninh năm 2021-2022	Số 126/QĐ-UBND, ngày 15/9/2021	4.794	68	68			0		68		68	
5.7	Đường GTNT Ninh xá- Rú tháp năm 2023	Số 54/QĐ-UBND, ngày 31/7/2023	532	172	172			0		172		172	
5.8	Đường GTNT Hồ Chanh- Đồng Quan 2023	Số 79/QĐ-UBND, ngày 16/10/2023	408	47	47			0		47		47	
II	Các dự án chuyển tiếp sang năm 2025		40.144	24.655	24.655		17.772	17.772		6.882	1.497	5.385	
1	Phố Châu (cũ)		20.073	15.019	15.019		9.750	9.750		5.269	1.497	3.772	
1.1	Lắp đặt hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân từ Tổ dân phố 6 đến Tổ dân phố 11, thị trấn Phố Châu	Số 475/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	1.073	625	625		625	625		0			
1.2	Hồ lắng xử lý nước thải từ bãi rác thị trấn Phố Châu	Số 319/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	1.900	846	846		846	846		0			
1.3	Nhà học 3 tầng 15 phòng Trường Tiểu học thị trấn Phố Châu	Số 497/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	12.000	11.177	11.177		5.908	5.908		5.269	1.497	3.772	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>l</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1.4	Đường giao thông, rãnh thoát nước sau Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn và rãnh thoát nước đường Trần Kim Xuyến, thị trấn Phố Châu	Số 456/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	2.600	1.652	1.652		1.652	1.652		0			
1.5	Cải tạo, nâng cấp đường điện chiếu sáng đường Trần Kim Xuyến, thị trấn Phố Châu	Số 443/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	2.500	718	718		718	718		0			
2	Sơn Trung (cũ)		7.000	2.903	2.903		1.290	1.290		1.613	0	1.613	
2.1	Bãi đậu xe Hải Thượng và các công trình phụ trợ khu vực mộ Hải Thượng Lãn Ông	Số 150 ngày 24/10/2024	7.000	2.903	2.903		1.290	1.290		1.613		1.613	
3	Sơn Phú (cũ)		13.071	6.733	6.733		6.733	6.733		0	0	0	
3.1	Cải tạo, mở rộng nhà hiệu bộ 2 tầng trường tiểu học Sơn Phú	Số 145/QĐ-UBND ngày 10/09/2024	1.600	479	479		479	479		0			
3.2	Đường giao thông ngõ xóm từ cổng Máy Xay đến ngõ ông Hồ Giáp và từ ngõ anh Quý đến nhà văn hóa thôn Cửa Nương xã Sơn Phú, huyện Hương Sơn	Số 141/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	3.680	1.735	1.735		1.735	1.735		0			
3.3	Đường giao thông trục thôn Tiên Sơn xã Sơn Phú tuyến từ ngõ ông Hồ Quý đến Cầu Hồ, xã Sơn Phú	Số 141/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	3.791	2.164	2.164		2.164	2.164		0			
3.4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vọng Sơn, xã Sơn Phú, tuyến từ tôn Hoa Sen đến ngõ ông Hồ Chương.	Số 142/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	4.000	2.354	2.354		2.354	2.354		0			
III	Các dự án khởi công mới năm 2025		98.556	79.202	78.819	383	38.461	38.079	383	40.740	13.765	26.975	
1	Phố Châu (cũ)		5.712	4.970	4.588	383	4.970	4.588	383	0	0	0	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1.1	Lắp đặt hệ thống đèn Led trang trí vòng xuyên Quốc lộ 8A giao đường Hồ Chí Minh và cổng vòm trang trí đèn Led trên tuyến đường Lê Minh Hương thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn	Số 49/QĐ-UBND ngày 18/2/2025	1.223	1.128	1.128		1.128	1.128		0			
1.2	Xây dựng hệ thống mương thoát nước chống ngập úng đường Nguyễn Trãi và cổng thoát nước qua đường Đào Đăng Đệ, thị trấn Phố Châu	Số 173/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	901	845	845		845	845		0			
1.3	Cải tạo, phục hồi mặt đường bê tông xi măng bằng bê tông nhựa trên địa bàn thị trấn Phố Châu năm 2025	Số 122/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	2.291	2.158	1.775	383	2.158	1.775	383	0			
1.4	Đường giao thông và rãnh thoát nước thị trấn Phố Châu năm 2025	Số 128/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	953	539	539		539	539		0			
1.5	Cải tạo khuôn viên hàng rào, mái che và các hạng mục phụ trợ Nhà văn hóa Tổ dân phố 5, thị trấn Phố Châu	Số 182/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	345	300	300		300	300		0			
2	Sơn Bằng (cũ)		30.255	28.243	28.243		19.317	19.317		8.926	8.240	686	
2.1	Đường GTNT xã Sơn Bằng huyện Hương Sơn	Số 1480/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	12.671	10.962	10.962		6.847	6.847		4.115	3.990	125	
2.2	Xây dựng mạng lưới nước sạch xã Sơn Bằng	Số 1417/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	10.934	10.811	10.811		7.000	7.000		3.811	3.400	411	
2.3	Sửa chữa đường giao thông thôn Phúc Bằng xã Sơn Bằng huyện Hương Sơn	Số 52/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	2.500	2.358	2.358		2.358	2.358		0			
2.4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông thôn Thanh Bằng thôn Phúc Bằng xã Sơn Bằng	Số 66/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	3.200	3.195	3.195		2.195	2.195		1.000	850	150	
2.5	Sửa chữa nhà 02 tầng, 04 phòng Trường Mầm non xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn.	Số 74/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	950	917	917		917	917		0			
3	Sơn Trung (cũ)		17.983	17.139	17.139		11.915	11.915		5.224	4.824	400	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>l</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
4.5	Cắm mốc ranh giới phân lô đất ở ra thực địa phục vụ công tác giao đất vùng Chăn nuôi thôn Công Đăng	Số 08 ngày 03/02/2025	86	86	86		86	86		0			
5	Các công trình bổ sung mới 6 tháng cuối năm		40.250	25.190	25.190		0	0		25.190	58	25.132	
1.1	Phục hồi, nâng cấp mặt đường bê tông bằng bê tông nhựa trên địa bàn xã Hương Sơn năm 2025		4.050	3.500	3.500			0		3.500	58	3.442	
1.2	Đường Giao thông nông thôn xã Hương Sơn năm 2025		3.200	1.200	1.200			0		1.200		1.200	
1.3	Đường giao thông thôn Trung thị đến xã Sơn Tiến		3.000	2.000	2.000			0		2.000		2.000	
1.4	Đường Lê Minh Hương kéo dài, xã Hương Sơn		13.000	8.200	8.200			0		8.200		8.200	
1.5	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục trụ sở làm việc Đảng ủy, UBND xã Hương Sơn		3.000	2.600	2.600			0		2.600		2.600	
1.6	Đường giao thông kết nối Đường mòn Hồ Chí Minh đi thôn Cửa nương, xã Hương Sơn		3.500	2.890	2.890			0		2.890		2.890	
1.7	Cổng chào xã Hương Sơn		3.500	800	800			0		800		800	
1.8	Lắp đặt hệ thống đèn led trang trí trên các trục đường khu vực trung tâm của xã Hương Sơn		6.000	3.300	3.300			0		3.300		3.300	
1.9	Sửa chữa (cấp bách) đường kè bờ sông thôn Trung Thị và Thôn 1, xã Hương Sơn		1.000	700	700			0		700		700	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025	Trong đó:		Vốn đã giải ngân năm 2025 (Ước đến ngày 30/6/2025)	Trong đó:		Kế hoạch còn lại 6 tháng cuối năm 2025	Trong đó:		Ghi chú
		Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		NS xã	Nguồn khác		NS xã	Nguồn khác		Nguồn bổ sung mục	Nguồn tiền đất	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>1</i>	<i>2=3+4</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=6+7</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=10+11</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
3.1	Xây dựng mạng lưới nước sạch xã Sơn Trung	Số 1535 ngày 16/4/2025	11.497	11.488	11.488		6.999	6.999		4.489	4.089	400	
3.2	Cải tạo, nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ Khu mộ Hải Thượng Lãn Ông, xã Sơn Trung, huyện Hương Sơn	Số 36 ngày 04/02/2025	652	615	615		615	615		0			
3.3	Kênh mương nội đồng xã Sơn Trung	Số 78 ngày 07/5/2025	641	620	620		620	620		0			
3.4	Cải tạo sửa chữa nhà bia tưởng niệm ccs anh hùng liệt sỹ xã Sơn Trung	Số 51 ngày 05/3/2025	467	438	438		438	438		0			
3.5	Sửa chữa nâng cấp tường rào nhà hội trường UBND xã Sơn Trung - nâng cấp sân đường nội bộ công an xã Sơn Trung	Số 16 ngày 8/01/2025	500	484	484		484	484		0			
3.6	Cải tạo, sửa chữa Nhà học 2 tầng 12 phòng, nhà hiệu bộ và lát nền sân Trường THCS Trung Phú	Số 65 ngày 16/4/2025	3.500	3.335	3.335		2.600	2.600		735	735		
3.7	Đường GTNT xã Sơn Trung năm 2025 (XM)	Số 46 ngày 26/2/2025	726	159	159		159	159		0			
4	Sơn Phú (cũ)		4.355	3.659	3.659		2.259	2.259		1.400	643	757	
4.1	Đường GT khu dân cư vùng Cồn Nậy thôn Công Đăng , xã Sơn Phú	Số 85 ngày 30/5/2025	970	837	837		837	837		0			
4.2	Tu sửa, chỉnh trang một số hạng mục Trường Tiểu học Sơn Phú.	Số 07 ngày 04/02/2025	600	540	540		540	540		0			
4.3	Mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt tại thôn Cửa Nương, thôn Hồ Trung, xã Sơn Phú	Số 06 ngày 24/01/2025	556	149	149		149	149		0			
4.4	Đường giao thông thôn Công Đăng tuyến từ ngõ ông Phan Tiến Lĩnh đến ngõ ông Trần Cao Thế, xã Sơn Phú.	Số 49 ngày 01/04/2025	2.143	2.048	2.048		648	648		1.400	643	757	